

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỘ ĐỨC  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11-5-2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Trương

2. Ông Hoàng Triệu Nghĩa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Xuân Y, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt; anh N vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2021 và các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Xuân Y trình bày:*

Chị và anh Trần Văn N tự nguyện kết hôn, được gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 02/3/2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi ngày 02/3/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp nhau và không có tiếng nói chung. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu

cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn N có 02 con chung là Trần Võ Gia H, sinh ngày 27/3/2014 và Trần Khả H1, sinh ngày 16/3/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao 02 con cho chị trực tiếp nuôi, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn anh Trần Văn N nhưng anh N từ chối nhận; anh N cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không đến Tòa án làm việc và không tham gia các phiên tòa.

*Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành pháp luật theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 28, 35, 39, 227, 228, 144, 147, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Xuân Y.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Xuân Y được ly hôn anh Trần Văn N; về con chung: Giao 02 con chung là Trần Võ Gia H, sinh ngày 27/3/2014 và Trần Khả H1, sinh ngày 16/3/2017 cho chị Võ Thị Xuân Y trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị Y không yêu cầu anh Trần Văn N cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Xuân Y trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Võ Thị Xuân Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm chị Võ Thị Xuân Y khởi kiện thì anh Trần Văn N đang cư trú tại thôn Y, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Xuân Y là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Võ Thị Xuân Y vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Võ Thị Xuân Y và anh Trần Văn N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi ngày 02/3/2015. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Xuân Y và anh Trần Văn N là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Xuân Y, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo trình bày của nguyên đơn chị Võ Thị Xuân Y thì từ tháng 6/2017 giữa chị và anh Trần Văn N bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp nhau và không có tiếng nói chung. Hiện nay chị và anh N đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau, không còn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã nhiều lần động viên chị Võ Thị Xuân Y đoàn tụ với anh N, nhưng chị Y xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh N nên cương quyết yêu cầu được ly hôn. Đối với anh Trần Văn N, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh N từ chối nhận, sau đó đi khỏi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Tòa án biết; anh N biết chị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh nhưng không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y, không tham gia phiên hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm. Như vậy, có thể xác định anh Trần Văn N không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Võ Thị Xuân Y và anh Trần Văn N đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là một trong những căn cứ để Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, chị Võ Thị Xuân Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Trần Văn N là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn chị Võ Thị Xuân Y trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Chị Võ Thị Xuân Y và anh Trần Văn N có 02 con chung là Trần Võ Gia H, sinh ngày 27/3/2014 và Trần Khả H1, sinh ngày 16/3/2017. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Y yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi.

Xét yêu cầu về nuôi con của chị Võ Thị Xuân Y, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay 02 con chung Trần Võ Gia H và Trần Khả H1 đang sống cùng với chị Y

và do chị Y trực tiếp chăm sóc. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn N không có ý kiến, yêu cầu gì về việc nuôi con. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, con chung của chị Y, anh N là cháu Trần Võ Gia H cũng trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để ổn định cuộc sống và các quyền lợi khác cho các con chung của chị Y và anh N; căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Xuân Y, giao 02 con chung Trần Võ Gia H và Trần Khả H1 cho chị Y trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chị Võ Thị Xuân Y được giao trực tiếp nuôi 02 con chung, nhưng chị Y không yêu cầu anh Trần Văn N cấp dưỡng cho con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Xuân Y trình bày không có, anh Trần Văn N không có ý kiến trình bày về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Võ Thị Xuân Y phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị Y đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Võ Thị Xuân Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Xuân Y được ly hôn anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Chị Võ Thị Xuân Y và anh Trần Văn N có 02 con chung là Trần Võ Gia H, sinh ngày 27/3/2014 và Trần Khả H1, sinh ngày 16/3/2017. Giao 02 con chung Trần Võ Gia H và Trần Khả H1 cho chị Võ Thị Xuân Y trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Trần Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Chị Võ Thị Xuân Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Xuân Y trình bày không có, anh Trần Văn N không có ý kiến trình bày về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Võ Thị Xuân Y phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005891 ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

**Lê Phong**